

Số:383/BC-MNHN

Hòa Nghĩa, ngày 04 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM: 2023

I. THÔNG TIN CHUNG²

TT	NỘI DUNG	THÔNG TIN
1	Tên cơ sở giáo dục	Trường Mầm non Hòa Nghĩa
2	Địa chỉ trụ sở chính	Số 220, đường Đại Thắng, Tổ 3, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, Hải Phòng
3	Địa chỉ điểm trường 2	Khu Tái định cư, Tổ 3, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, Hải Phòng
	Điện thoại	02253660221
	Trang thông tin điện tử	https://mnhoanghia.haiphong.edu.vn/homegdmn1#
	Trang facebook	Trường MN Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh
4	Loại hình trường	Công lập
		Sứ mệnh: Xây dựng trường học hạnh phúc, trách nhiệm, yêu thương, sáng tạo; cơ sở vật chất thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đầy đủ theo hướng chuẩn hiện

5	Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu	<p>đại; Đội ngũ giáo viên thân thiện, nhiệt huyết, trách nhiệm, sáng tạo, không ngừng học hỏi, sẵn sàng áp dụng phương pháp giáo dục tiên tiến STEAM, MONTESSORI nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh phát triển toàn diện về mặt trí tuệ, tình cảm, văn hóa và thể chất; phát triển tính tích cực chủ động, sáng tạo, tinh thần hợp tác, kỷ luật và tình yêu thương.</p> <p>Tầm nhìn: Trường Mầm non Hòa Nghĩa phấn đấu xây dựng trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng mức độ 2 vào năm học 2024-2025. Đồng thời từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt chuẩn mức độ 2.</p> <p>Không ngừng học hỏi, đổi mới, trở thành một trong những trường đi đầu trong việc áp dụng phương pháp giáo dục tiên tiến STEAM, MONTESSORI nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.</p> <p>Giá trị cốt lõi: Yêu thương – trách nhiệm – sáng tạo</p> <p>Giáo viên đặt tâm huyết trên từng việc làm từ thiết kế môi trường đến cử chỉ, hành vi với trẻ và cộng đồng với châm ngôn “Gửi yêu thương qua mỗi việc làm”. Mỗi người lớn trong môi trường luôn hiểu và tôn trọng sự khác biệt của mỗi cá nhân, mỗi đứa trẻ, mỗi gia đình, mỗi văn hoá vùng miền...</p> <p>Với trẻ: đồng hành, yêu thương, hỗ trợ phát triển và khai phá tiềm năng của trẻ.</p> <p>Với cán bộ, giáo viên và nhân viên: Đoàn kết, quan tâm, chia sẻ và gắn bó.</p> <p>Với phụ huynh: Lắng nghe, hỗ trợ, đưa ra giải pháp.</p>
6	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	<p>Trường Mầm non công lập Hòa Nghĩa được chuyển đổi từ trường mầm non Bán công Hòa Nghĩa theo Quyết định số 282/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.</p> <p>Ban đầu trường có 5 điểm trường, qua các năm phát triển, năm học 2023-2024 trường đã thu gọn còn 03 điểm trường: Điểm trường chính đặt tại địa chỉ số 220, đường Đại Thắng, Tổ 3, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh; Điểm trường khu Toàn Thắng tại địa chỉ Tổ 10 phường Hòa Nghĩa; Điểm trường khu Trường Sơn tại địa chỉ Tổ 9 phường Hòa Nghĩa và đang</p>

	<p>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</p>	<p>được đầu tư xây dựng thêm 01 điểm trường mới tại Khu Tái định cư – Hòa Nghĩa.</p> <p>Từ những năm đầu mới thành lập, cơ sở vật chất của nhà trường lúc đó còn nghèo nàn, thiếu thốn. Các lớp học nằm rải rác trong thôn xóm tại 5 điểm trường. Trong những năm qua nhà trường đã triển khai thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động giáo dục, các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành, tham gia tích cực các hoạt động xã hội. Nhà trường luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT quận Dương Kinh, của Đảng, chính quyền địa phương, sự đồng thuận của phụ huynh và nhân dân đồng tình ủng hộ. Năm 2012 nhà trường được xây mới 9 phòng học cao tầng khu Đại Thắng; năm 2021 được mở rộng thêm một điểm trường tại khu Tái định cư với diện tích 5000m², đã hoàn thiện và bàn giao cho nhà trường 15 phòng học kiên cố, rộng, thoáng mát. Trường luôn đảm bảo an ninh, an toàn trường học. Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được trang bị đầy đủ, đảm bảo chất lượng, tiêu chí và theo hướng chuẩn hiện đại.</p>
7	<p>Tổ chức bộ máy</p>	<p>Trường Mầm Non Hòa Nghĩa được thành lập theo Quyết định số 162/QĐ-UB, ngày 15/5/2000 của Chủ tịch UBND Huyện Kiến Thụy, là cơ sở giáo dục mầm non thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường Mầm Non Hòa Nghĩa tại địa chỉ số 220, Tổ dân phố số 3, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng</p> <p>Trường Mầm non công lập Hòa Nghĩa được chuyển đổi từ trường mầm non Bán công Hòa Nghĩa theo Quyết định số 282/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.</p> <p>Quyết định thành lập trường</p> <p>Quyết định công nhận hội đồng trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND quận Dương Kinh về việc thành lập Hội đồng trường Trường mầm non Hòa Nghĩa Nhiệm kỳ 2023-2028 - Chủ tịch Hội đồng trường: Bà Nguyễn Thị Phương – Hiệu trưởng - Thành viên: Bà Vũ Thị Hồng Châu – PHT – Thư ký Hội đồng; bà Vũ Thị Lê, Nguyễn Thị Huyền Chi, Vũ Thị Lan Anh, Trần Thị Tươi, Nguyễn Thị Hoàn – Ban đại diện cha mẹ học sinh.



	<p>Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</p>	<p>- Hiệu trưởng: Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Mầm non Hòa Nghĩa; - Phó hiệu trưởng Vũ Thị Hồng Châu: Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND quận Dương Kinh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý - Phó hiệu trưởng Lê Thị Quỳnh Liên: Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 07/9/2024 của UBND quận Dương Kinh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hòa Nghĩa</p>
	<p>Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Mầm non Hòa Nghĩa</p>	<p>Quyết định số 290/QĐ-MNHN ngày 04/10/2022 của Trường Mầm non Hòa Nghĩa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Mầm non Hòa Nghĩa. (kèm theo Phụ lục 1)</p>
	<p>Thông tin của lãnh đạo</p>	<p>- Thông tin Hiệu trưởng: Họ và tên: Nguyễn Thị Phương, ĐT 0768348438, địa chỉ thư: nguyenthiphuongmnhn@gmail.com, địa chỉ làm việc: Trường Mầm non Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh - Thông tin Phó Hiệu trưởng: + Họ và tên: Vũ Thị Hồng Châu, đt 0962245225, địa chỉ thư: hoangchau80hp@gmail.com, địa chỉ làm việc: Trường Mầm non Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh + Họ và tên: Lê Thị Quỳnh Liên, ĐT: 0989480939, địa chỉ hòm thư: , địa chỉ làm việc: Trường Mầm non Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh.</p>
<p>8</p>	<p>Các văn bản khác của trường</p>	<p>Chiến lược phát triển; Quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng.</p>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	SC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49		1	31	3	3	3						
I	Giáo viên	34			30	3	1	0						
1	Nhà trẻ	5			5	0		0	5				5	
2	Mẫu giáo	29			25	3	1	0	29				29	
II	Cán bộ quản lý	3		1	2									
1	Hiệu trưởng	1		1					1				1	
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2				2	
III	Nhân viên	12			3	3	2	4						
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	1			1									
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên nuôi dưỡng	11			1	4	2	4					11	
6	Nhân viên khác													
...	...													

DƯƠN
 ƯƠNG
 M N
 A NGH
 7 *

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

TT	Nội dung	Số lượng	Máy móc, thiết bị văn phòng, đồ	Bình
				Số m ² /trẻ em
I	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3870		6,5
II	Số điểm trường	3		-
1	Khu Đại Thắng	2023		6,5
2	Khu Tái định c	646		6,5
3	Khu Toàn Thắng	1021		6,5
III	Số lượng, hạng mục			
1	Khối phòng hành chính quản trị			
a	Phòng Hiệu trưởng	1	Đầy đủ	
b	Phòng Phó hiệu trưởng	1	Đầy đủ	
c	Văn phòng trường	1	Đầy đủ	
d	Phòng dành cho nhân viên	1		
đ	Phòng bảo vệ	1		
e	Khu vệ sinh GV, CB, NV	1		
g	Khu để xe GV, CB, NV	3		
2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
a	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	16	Đảm bảo	
b	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	0		
c	Sân chơi riêng	3	Đầy đủ	
3	Khối phòng tổ chức ăn			
a	Nhà bếp	3	Đầy đủ	
b	Kho bếp	1	Đầy đủ	
4	Khối phụ trợ			
a	Phòng họp	1	Đầy đủ	
b	Phòng y tế	1	Đầy đủ	
c	Nhà kho	1	Bảo đảm	
d	Sân vườn	3	Đầy đủ	

đ	Cổng hàng rào	3	Bảo đảm	
5	Hạ tầng kỹ thuật			
a	Hệ thống cấp nước sạch	3	Đầy đủ	
b	Hệ thống cấp điện	3	Đầy đủ	
c	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	3	Đảm bảo	
d	Hạ tầng công nghệ thông tin liên lạc	3	Đầy đủ	
đ	Khu thu gom rác thải	3	Đầy đủ	
VII	Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có (Đơn vị tính: bộ)	1625/18 lớp	Đảm bảo	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	90 bộ/lớp		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	3 bộ /lớp		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	36 bộ		Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	46		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	54		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Mic nói	10		
2	Tivi	20		
3	Camera	25		
4	Bộ lego	50		
5	Các khối gỗ	2000		
6	Bộ Nam châm	35		
7	Bộ thí nghiệm	16		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá

Tiêu chuẩn Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1			x	
Tiêu chí 2			x	-
Tiêu chí 3			x	
Tiêu chí 4		x		
Tiêu chí 5		x		
Tiêu chí 6		x		
Tiêu chí 7		x		-
Tiêu chí 8		x		-
Tiêu chí 9		x		-
Tiêu chí 10		x		-
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên				
Tiêu chí 1			x	
Tiêu chí 2			x	
Tiêu chí 3			x	
Tiêu chuẩn 03: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học				
Tiêu chí 1	x			
Tiêu chí 2		x		
Tiêu chí 3		x		
Tiêu chí 4		x		
Tiêu chí 5		x		

Tiêu chí 6		x		-
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 1			x	
Tiêu chí 2			x	
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ				
Tiêu chí 1		x		
Tiêu chí 2		x		
Tiêu chí 3		x		
Tiêu chí 4		x		
Tổng				

2. Đăng ký đánh giá ngoài

Trường đăng ký xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức độ 2 trong năm học 2024-2025



V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

T T	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học								
		Toàn trường		Trong đó chia ra						
		Kết quả đạt được	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ		Mẫu giáo				
Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi			
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	648	100	Đạt	12	77	153	196	210
		Trẻ học nhóm ghép Trẻ học 2 buổi/ngày	648	100	Đạt	12	77	153	196	210
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ khuyết tật học hòa nhập Trẻ được tổ chức ăn bán trú	648	100	Đạt	12	77	153	196	210
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	648	100	Đạt	89				589
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	648	100	Đạt	12	77	153	196	210
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	648	100	Đạt	12	77	153	196	210
		Trẻ có cân nặng bình thường			Đạt	12	76	147	193	209
		Trẻ có chiều cao bình thường			Đạt	11	73	148	193	210
		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ			Đạt	0	1	3	0	0
		Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi			Đạt	1	3	5	0	0
	Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm									
	Trẻ thừa cân	15	2.5	Đạt	0	0	3	3	1	
	Trẻ béo phì	21	3.5	Đạt			0	0	0	
	Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	648	100	Đạt	12	77	153	196	210	

T T	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học								
		Toàn trường		Trong đó chia ra						
		Kết quả đạt được		Nhà trẻ			Mẫu giáo			
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
4	Trẻ đi học chuyên cần	598	91	Đạt		19	61	147	190	205
	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ					11	75	6	6	5
	Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN					1	2			
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ									210
										0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Báo cáo các khoản thu chi

TT	Nội dung	Dư đầu kỳ	Tổng thu	Chi						Tồn cuối kỳ
				Tổng chi	Chi tiền lương và thu nhập	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	Nộp thuế	Chi phúc lợi tập thể	Chi khác	
I	Ngân sách nhà nước		5.894.284.500	5.894.284.500	4.309.154.000	814.552.000	-	-	770.578.500	-
1	Ngân sách 13		3.507.902.000	3.507.902.000	2.883.900.000	624.002.000				-
2	Ngân sách 12		573.331.000	573.331.000		9.600.000			563.731.000	-
3	Ngân sách 14		1.425.254.000	1.425.254.000	1.425.254.000					-
4	Ngân sách 15		387.797.500	387.797.500		180.950.000			206.847.500	-
II	Học phí	116.478.136	1.225.997.800	1.333.825.000	1.333.825.000					8.650.936
III.	Thu hoạt động	56.679.600	6.701.132.748	6.669.723.414	3.002.180.549	3.500.126.654	40.674.960	122.671.000	4.070.251	88.088.934
1	Quản lý ngoài giờ	22.574.891	1.202.905.333	1.204.198.460	1.113.852.670		10.010.500	77.398.411	2.936.879	21.281.764
2	Học thứ 7	22.385.389	460.550.000	478.508.689	420.955.100		12.281.000	45.272.589		4.426.700

3	Học hè	-	828.293.415	828.293.415	810.586.083	16.573.960	1.133.37 2	-
4	Thiết bị bán trú	1.922.000	199.099.000	201.021.000				-
5	Hỗ trợ cô nuôi	3.856.720	579.583.000	577.199.696	577.199.696			6.240.024
6	Chất đốt	3.452.300	253.894.000	253.856.300		253.856.300		3.490.000
7	Học tiếng anh	2.488.300	442.100.000	442.082.060	79.587.000	1.809.500		2.506.240
8	Tiền ăn	-	2.665.296.000	2.665.278.100				17.900
9	Điện nước	-	69.412.000	19.285.694				50.126.306

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí

TT	Nội dung	Số lượng học sinh được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Ghi chú
1	Hỗ trợ học phí theo NQ54/2019/HĐND	628	1.225.160.400	
2	Miễn giảm học phí NĐ81	2	837.400	
3	Hỗ trợ chi phí ăn trưa	2	680.000	
4	Hỗ trợ chi phí học phí	1	600.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Nội dung thực hiện	Năm học 2022-2023 (Đối chiếu năm học trước)	Năm học 2023-2024
I. HỌC SINH		
Tổng số học sinh	646	648
Trẻ ăn bán trú tại trường đảm bảo an toàn VSTP	646	648
Tỷ lệ Trẻ cân, đo trong kênh Bình thường	98,7%	98,3%
Kết quả đánh giá trẻ Đạt theo 5 lĩnh vực		
Thể chất	98,6	98,7
Nhận thức	98	98
Ngôn ngữ	97,7	97,7
TCKNXH	98,6	98,7
Thâm mỹ	97,7	97,7
Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	100%	100%
II. GIÁO VIÊN		
Tổng số CB-GV	40	37
Tổng số tổ	3	3
Số tổ đạt LĐTT	3	3

Số lượng giáo viên đạt chuẩn đào tạo	39	37
Số lượng giáo viên trên chuẩn đào tạo	35	34
Đề tài nghiên cứu khoa học, SKKN cấp quận.	14	10
Đề tài nghiên cứu khoa học, SKKN cấp thành phố	1	
Giáo viên giỏi cấp trường		34
Giáo viên giỏi cấp Quận		16
Giáo viên giỏi thành phố		
Cá nhân đạt LDTT	40	48
Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	7	10
Chiến sĩ thi đua cấp thành phố		Đề nghị 1

Nơi nhận :

- PGD&ĐT (B/c);
- Ban chỉ đạo;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương